TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày 02 - 6 - 2020.
V/v "Tranh chấp kiện ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Đức và bà Nguyễn Thị Huê

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lập - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị Trúc L, sinh năm 1986

Nơi ĐKHKTT: thôn 6, xã PV, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Lô 30-32-34, đường số 3, khu Công nghiệp TT, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

*** Bị đơn:** Anh Chu Ngọc L1, sinh năm 1989.

Nơi ĐKHKTT: thôn 6, xã PV, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Hiện đang chấp hành án tại đội 19B16, phân trại I, trại giam Nam Hà; địa chỉ: xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

(*Chị L và anh L1 đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Hoàng Thị Trúc L trình bày: Chị và anh Chu Ngọc L1 kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/5/2013 tại Uỷ ban nhân dân xã PV, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu một thời gian và được gia đình hai bên tổ chức cưới xin theo phong tục tập

quán của địa phương. Sau kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau. Mặt khác còn do anh L1 vướng vào ma túy hết lần này đến lần khác, hay đi đêm về khuya, ban ngày thì ở nhà không lo làm ăn. Đến năm 2014 đến nay thì vợ chồng mỗi người ở mỗi nơi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L1.

* Tại bản tự khai ngày 14/5/2020, bị đơn anh Chu Ngọc L1 có quan điểm: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như chị L khai là đúng. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm. Sau kết hôn vợ chồng anh chị sống chung với gia đình anh. Vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Đến tháng 12/2013 thì anh bị bắt về hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy" và sau đó bị Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý xử phạt 10 năm 06 tháng tù về hành vi trên. Vợ chồng anh sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L có đơn xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Chị L và anh L1 cùng xác định vợ chồng có 01 con chung duy nhất là cháu Chu Thị Tuyết N (con gái), sinh ngày 19/5/2013. Hiện nay cháu N đang do gia đình anh L1 nuôi dưỡng, chăm sóc hộ. Khi ly hôn, chị L xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con; anh L1 đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị L không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của cháu Chu Thị Tuyết N: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ L.

* Quan điểm của bà Mai Thị Lụa: Bà là mẹ đẻ của anh Chu Ngọc L1, thời gian vợ chồng anh L1, chị L sống chung cùng gia đình bà thì vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì. Đến cuối năm 2013 anh L1 bị bắt về hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy" và bị Tòa án xử phạt 10 năm 06 tháng tù. Anh L1 đi chấp hành án tại Trại giam Nam Hà và vợ chồng anh chị sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay chị L xin ly hôn anh L1 gia đình bà không mong muốn nhưng tôn trọng quyết định của anh chị. Con chung của chị L và anh L1 ở với gia đình bà và chị L từ bé đến giờ. Nếu chị L và anh L1 ly hôn bà đề nghị giao cháu N cho anh L1 nuôi. Do anh L1 đang chấp hành án nên gia đình bà sẽ nuôi hộ, sau này anh L1 chấp hành án về gia đình sẽ bàn giao cháu N cho anh L1 nuôi trực tiếp. Tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng chị L, anh L1 không có gì.

* Quan điểm của UBND xã Phù Vân: Nay chị L khởi kiện xin ly hôn anh L1 tại Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung của anh chị theo quy định của pháp luật

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị Trúc L. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Trúc L và anh Chu Ngọc L1.

+ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị L, giao chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Chu Thị Tuyết N (con gái), sinh ngày 19/5/2013 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

+ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L và anh L1 phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Chu Ngọc L1 có hộ khẩu thường trú tại: Thôn 6, xã Phù Vân, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Hoàng Thị Trúc L và anh Chu Ngọc L1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Trúc L và bị đơn anh Chu Ngọc L1 trong vụ kiện đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Trúc L và anh Chu Ngọc L1 là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/5/2013 tại UBND xã PV, thành phố PL, tỉnh Hà Nam, nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Sau kết hôn, vợ chồng chị L và anh L1 có một thời gian ngắn chung sống hạnh phúc và đã có một con chung. Từ tháng 12/2013 đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nguyên nhân là do tháng 12/2013 anh L1 đã phạm tội và bị Tòa án có thẩm quyền xử phạt 10 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và hiện nay anh L1 đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà. Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn, anh L1 vẫn chưa coi trọng xây dựng hạnh phúc gia đình, vẫn ham chơi theo chúng bạn và phạm tội để vợ chồng tuy mới kết hôn đã phải xa cách mỗi người mỗi nơi. Chị L mất niềm tin đối với anh L1 và tình cảm ngày càng phai nhạt. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị L và anh L1 không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại từ lâu. Thực tế cho thấy chị L xin ly hôn thì anh L1 cũng đồng ý ly hôn càng chứng tỏ anh chị không còn tình cảm dành cho nhau nữa. Việc thuận tình ly hôn giữa chị L và anh L1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn như nguyện vọng của chị L và anh L1.

[4] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Chu Thị Tuyết N (con gái), sinh ngày 19/5/2013. Xét yêu cầu xin nuôi con chung của chị Hoàng Thị Trúc L và quan điểm, nguyện vọng của anh L1 và đại diện gia đình anh L1, Hội đồng xét xử thấy: Từ tháng 12/2013 đến nay cháu N do chị L và gia đình anh L1 nuôi dưỡng, chăm sóc. Cuộc sống của cháu N duy trì được sự ổn định suốt một thời gian dài dù trong gia đình thiếu vắng sự chăm sóc của người cha. Mặt khác, anh L1 hiện nay đang chấp hành án nên không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Trong khi cháu N cũng có nguyện vọng xin được ở với chị L khi bố mẹ ly hôn. Do đó, cần giao cháu N cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng, nên anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với thực tế và đúng pháp luật.

- Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện nay chị L không có thai nghén gì.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L và anh L1 thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L và anh L1 phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng : khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Trúc L và anh Chu Ngọc L1.

[2] Về con chung: Giao chị Hoàng Thị Trúc L được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Chu Thị Tuyết N (con gái), sinh ngày 19/5/2013 kể từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh Chu Ngọc L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L và anh L1 thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị Trúc L và anh Chu Ngọc L1 mỗi người phải nộp 150.000đ. Chị L được đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004441 ngày 04/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị L được nhận lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Chị L và anh L1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA DS thành phố Phủ Lý;
- UBND xã Phù Vân, TP Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên